TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2019.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Trần Thị Kim Tân.**

2. Ông **Bùi Văn Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc: *Không tham gia.*

Vào ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **55/**2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **06/**2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị **Phạm Thị Thùy D** - Sn: 1971. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

Dân tộc: Kinh.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh T** - Sn: 1970. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ mộc.

Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy D trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn vào năm 1996, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy, vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung nên chị yêu cầu

ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Thủy có 02 người con tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 16-7-1997 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09-01-2001, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị Phạm Thị Thùy D về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản giữa anh và chị D. Anh không đồng ý ly hôn, nếu chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung, đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 12-11-1996, của Ủy ban nhân dân xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, cấp cho anh T– chị D đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Thùy D là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn về vật chất, dẫn đến cãi nhau làm cho gia đình bất hòa, nhưng anh không chấp nhận ly hôn. Anh chị đã được Tòa án hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Chứng tỏ, hôn nhân của chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị D và anh T thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 16-7-1997 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09-01-2001, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về tài sản*: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị D và anh T trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Phạm Thị Thùy D phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy D và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Nguyễn Thanh T có 02 người con tên Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 16-7-1997 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 09-01-2001, tất cả đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Phạm Thị Thùy D nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị D nộp theo Biên lai thu tiền số: **007015** ngày **25-12-2018**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thùy D và anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

ơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng